



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 28
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 28

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home trước đây là Công ty TNHH MTV G.Home, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500395568 ngày 20 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **96.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất bông tấm, chần vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất đệm;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 28).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Nga	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Sinh Quyền	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo của Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Sinh Quyền

Số : *M9*./2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Vương

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoàng Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	18/4/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		197.266.616.382	-
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	922.926.874	-
1.	Tiền	111		922.926.874	-
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	19.060.000.000	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		19.060.000.000	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.932.417.035	-
1.	Phải thu khách hàng	131		77.971.908.023	-
2.	Trả trước cho người bán	132		11.766.183.559	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	2.194.325.453	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		76.927.659.040	-
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	76.927.659.040	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		8.423.613.433	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		196.361.906	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.705.061.916	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	3.522.189.611	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	18/4/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.053.030.054	-
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		78.896.600.146	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	77.617.564.275	-
	- Nguyên giá	222		99.515.916.608	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(21.898.352.333)	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	16.738.334	-
	- Nguyên giá	228		48.554.000	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(31.815.666)	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	1.262.297.537	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.100.000.000	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	6.100.000.000	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		7.056.429.908	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	7.056.429.908	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		289.319.646.436	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	18/4/2014
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		189.022.293.707	-
I.	Nợ ngắn hạn	310		136.223.980.052	-
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	90.474.994.577	-
2.	Phải trả người bán	312		35.188.436.670	-
3.	Người mua trả tiền trước	313		6.706.791.547	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	3.182.048.401	-
5.	Phải trả người lao động	315		10.215.465	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.13	259.413.338	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	402.080.054	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		52.798.313.655	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.15	52.128.450.922	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		669.862.733	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		100.297.352.729	-
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	100.297.352.729	-
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.297.352.729	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		289.319.646.436	-

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	18/4/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại USD		14.160,10	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Sinh Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	180.751.259.904
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		180.751.259.904
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	157.349.954.896
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.401.305.008
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	677.112.837
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	9.637.211.401
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.274.854.118
8.	Chi phí bán hàng	24		2.860.407.246
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.765.912.105
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.814.887.093
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	262.074.244
12.	Chi phí khác	32	VI.06	645.046.434
13.	Lợi nhuận khác	40		(382.972.190)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.431.914.903
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.922.273.507
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.509.641.396
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	782

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Sinh Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		213.605.181.409
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(202.245.278.398)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.015.293.263)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(9.806.058.085)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(330.931.476)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.726.746.333
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(896.635.041)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.962.268.521)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(19.065.801.327)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		60.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.673.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.444.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.160.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		593.966.115
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.800.835.212)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		29.900.000.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		131.373.423.251
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(112.587.392.644)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		48.686.030.607
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		922.926.874
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		922.926.874

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền



Nguyễn Sinh Quyền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất dệt;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính 2014 bắt đầu từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính đầu tiên kể từ ngày chuyển đổi sở hữu.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong năm là: 2,0%.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí san lấp mặt bằng;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	18/4/2014
- Tiền mặt	419.630.423	-
- Tiền gửi ngân hàng	503.296.451	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	922.926.874	-

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014		18/4/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a. Đầu tư ngắn hạn khác		19.060.000.000		-
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		7.060.000.000		-
+ Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến lâm sản Hoàng Phát	450.000	4.500.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Đông Dương	256.000	2.560.000.000	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)		12.000.000.000		-
+ Công ty TNHH Tuấn Lợi ^(a)		12.000.000.000		-
b. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		-
Cộng		19.060.000.000		-

^(a) Là khoản tiền Công ty cho Công ty TNHH Tuấn Lợi vay theo hợp đồng vay tiền ngày 30 tháng 9 năm 2014. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>18/4/2014</u>
- Phải thu khác	2.194.325.453	-
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	1.260.459.201	-
+ Phải thu khác	933.866.252	-
Cộng	<u>2.194.325.453</u>	<u>-</u>

04. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u>	<u>18/4/2014</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	38.183.474.777	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.365.580.986	-
- Thành phẩm	11.435.187.547	-
- Hàng hoá	6.869.626.727	-
- Hàng gửi đi bán	18.073.789.003	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>76.927.659.040</u>	<u>-</u>

05. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>18/4/2014</u>
- Tạm ứng	3.522.189.611	-
Cộng	<u>3.522.189.611</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu ngày 18/4/2014	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	11.882.023.818	-	11.882.023.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.978.874.175	-	-	9.978.874.175
- Tặng khác (*)	16.814.825.559	58.011.846.058	3.055.619.998	77.882.291.615
- Thanh lý, nhượng bán	-	(227.273.000)	-	(227.273.000)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối ngày 31/12/2014	26.793.699.734	69.666.596.876	3.055.619.998	99.515.916.608
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu ngày 18/4/2014	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	524.144.426	5.168.695.939	305.562.004	5.998.402.369
- Tặng khác (*)	2.103.382.272	13.409.808.724	512.232.598	16.025.423.594
- Thanh lý, nhượng bán	-	(125.473.630)	-	(125.473.630)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối ngày 31/12/2014	2.627.526.698	18.453.031.033	817.794.602	21.898.352.333
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày 18/4/2014	-	-	-	-
2. Tại ngày 31/12/2014	24.166.173.036	51.213.565.843	2.237.825.396	77.617.564.275

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 58.086.046.019 VND và 44.232.622.299 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Hội sở chính và Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Thành Công.

(*) Tặng do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu ngày 18/4/2014</i>	-	-
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác (*)	48.554.000	48.554.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối ngày 31/12/2014</i>	48.554.000	48.554.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư cuối ngày 18/4/2014</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	11.716.841	11.716.841
- Tăng khác (*)	20.098.825	20.098.825
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối ngày 31/12/2014</i>	31.815.666	31.815.666
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày 18/4/2014</i>	-	-
<i>2. Tại ngày 31/12/2014</i>	16.738.334	16.738.334

(*) Tăng do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần.

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	18/4/2014
- Công trình đường bê tông, nhà ăn	1.262.297.537	-
Cộng	1.262.297.537	-

09. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2014		18/4/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
+ Công ty Cổ phần May và Xuất nhập khẩu Sơn Tây ^(a)	610.000	6.100.000.000	-	-
Cộng		6.100.000.000		-

(a) Trong năm, Công ty đã mua 610.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần May và Xuất nhập khẩu Sơn Tây với giá mua là 10.000 đồng/cổ phiếu, tổng giá mua là 6.100.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 610.000 cổ phiếu, tương đương 38,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần May và Xuất nhập khẩu Sơn Tây.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	18/4/2014
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ	4.607.364.666	-
- Chi phí san lấp mặt bằng	2.449.065.242	-
Cộng	7.056.429.908	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	18/4/2014
Vay ngắn hạn	90.474.994.577	-
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>90.474.994.577</i>	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công ^(a)	43.853.247.060	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(b)	46.621.747.517	-
Cộng	90.474.994.577	-

(a) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 33.12.058.946980.TD ngày 21 tháng 5 năm 2012 và hợp đồng tín dụng số 22.13.058.946980.TD ngày 24 tháng 5 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được quy định theo từng kế ước nhận nợ.

(b) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 130402/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 14 tháng 11 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động; lãi suất 9%/năm.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	18/4/2014
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.260.459.201	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.921.589.200	-
Cộng	3.182.048.401	-

13. Chi phí phải trả

	31/12/2014	18/4/2014
- Chi phí lãi vay	259.413.338	-
Cộng	259.413.338	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	18/4/2014
- Bảo hiểm xã hội	344.880.054	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.200.000	-
Cộng	402.080.054	-

15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	18/4/2014
Vay dài hạn	52.128.450.922	-
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>52.128.450.922</i>	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (VND) ^(a)	7.806.609.500	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (USD) ^(b)	3.579.936.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(c)	40.741.905.422	-
Cộng	52.128.450.922	-

Chi tiết vay theo nguyên tệ

	31/12/2014	18/4/2014
- USD	-	-
+ <i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công</i>	<i>167.600,00</i>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Là khoản vay VND theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 76.12.058.946980.TD ngày 05 tháng 10 năm 2012 để thanh toán một phần tiền mua máy móc, thiết bị của BUKYUNG và thanh toán một phần tiền mua 1 xe tải thùng nhãn hiệu THACO-TMB; lãi suất từ 16,8 - 17%/năm.
- (b) Là khoản vay USD theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 33.12.058.946980.TD ngày 27 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng số 34.12.058.946980.TD ngày 16 tháng 5 năm 2012 để thanh toán một phần hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất đệm bông ép do Hàn Quốc sản xuất; lãi suất 9%/năm.
- (c) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 01G.HOME/2010/ĐTDA-SGD ngày 24 tháng 5 năm 2010, số 02/TH-2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 20 tháng 9 năm 2013 và số 01.2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 11 tháng 3 năm 2013 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất đệm lò xo bông tằm, nhập khẩu máy móc và mua ô tô; lãi suất từ 8,8% đến 11,1%/năm.

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 18/4/2014	-	-	-
Tăng vốn trong năm	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	7.509.641.396	7.509.641.396
Tăng khác (*)	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-
Giảm khác (*)	-	(3.212.288.667)	(3.212.288.667)
Số dư tại ngày 31/12/2014	96.000.000.000	4.297.352.729	100.297.352.729

(*) Tăng/giảm do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	18/4/2014
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	96.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME	36.000.000.000	-
+ Bà Trần Thị Kiều Nga	26.700.000.000	-
+ Các đối tượng khác	33.300.000.000	-
Cộng	96.000.000.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	-
+ Vốn góp tăng trong năm	96.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-
+ Vốn góp cuối năm	96.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.600.000	
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.600.000	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.600.000	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.600.000	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	35.843.216.603
- Doanh thu bán thành phẩm	143.981.752.792
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	926.290.509
Cộng	180.751.259.904

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.697.794.039
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	126.036.297.560
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.615.863.297
Cộng	157.349.954.896

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	593.966.115
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	72.849.897
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.296.825
Cộng	677.112.837

04. Chi phí tài chính

	<u>Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014</u>
- Lãi tiền vay	9.274.854.118
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	326.758.508
- Lãi phạt thanh toán	35.598.775
Cộng	9.637.211.401

Đơn vị tính: VND

05. Thu nhập khác

	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
- Thu thanh lý tài sản cố định	60.000.000
- Thu nhập khác	202.074.244
Cộng	262.074.244

06. Chi phí tài chính

	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	101.799.370
- Chi phí bồi thường	106.846.771
- Chi phí khác	436.400.293
Cộng	645.046.434

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành(*)	1.922.273.507
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.922.273.507

(*) Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.431.914.903
Các khoản điều chỉnh tăng	543.247.064
Các khoản chi phí không được trừ	543.247.064
Các khoản điều chỉnh giảm	1.237.555.118
Chuyển lỗ từ Công ty TNHH MTV	1.237.555.118
Thu nhập tính thuế TNDN	8.737.606.849
Thuế suất thuế TNDN	22%
Thuế TNDN	1.922.273.507
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.922.273.507

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.509.641.396
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.509.641.396
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	782

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.833.058.624
- Chi phí nhân công	13.759.200.062
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.010.119.210
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.304.295.277
- Chi phí khác bằng tiền	513.342.118
Cộng	140.420.015.291

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
Chuyển nợ thành vốn góp (đã nhận góp vốn trước ngày 18/4/2014)	30.100.000.000
Nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty CP	36.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
<i>Hội đồng quản trị</i>	
+ Vay cá nhân	5.000.000.000
+ Trả vay cá nhân	5.000.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 18/4/2014 đến 31/12/2014
Tiền lương	65.214.000
Cộng	65.214.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME	Cổ đông sở hữu 37,5% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME	Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

**Từ 18/4/2014
đến 31/12/2014**

Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME

- Cho thuê dịch vụ	626.699.133
- Mua hàng	7.116.414.548

Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME

- Mua hàng	7.010.014.250
------------	---------------

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

31/12/2014

Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME

- Phải thu khách hàng	57.200.000
- Trả trước cho người bán	5.572.879.360

Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME

- Trả trước cho người bán	1.064.809.885
---------------------------	---------------

Công nợ phải thu

6.694.889.245

03. Thông tin về bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh:**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất bông, dệt, chăn.
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh bông, dệt, ruột chăn, ruột gối.
- Lĩnh vực 3: Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, máy móc và gia công hàng may mặc.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất	Kinh doanh	Dịch vụ	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Từ ngày 18/4/2014 đến ngày 31/12/2014				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	143.981.752.792	35.843.216.603	926.290.509	180.751.259.904
- Chi phí phân bổ	136.858.884.725	30.391.998.884	3.685.489.202	170.936.372.811
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.122.868.067	5.451.217.719	(2.759.198.693)	9.814.887.093
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	7.578.783.152	-	11.487.018.175	19.065.801.327
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.838.951.834	166.855.360	2.214.088.855	8.219.896.049
Số dư tại 31/12/2014				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	214.810.159.919	38.348.390.831	10.078.168.812	263.236.719.562
- Tài sản trực tiếp không phân bổ				26.082.926.874
Tổng tài sản	214.810.159.919	38.348.390.831	10.078.168.812	289.319.646.436
- Nợ phải trả bộ phận	167.799.173.791	20.705.346.126	517.773.790	189.022.293.707
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	167.799.173.791	20.705.346.126	517.773.790	189.022.293.707

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	18/4/2014	31/12/2014	18/4/2014
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	922.926.874	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.905.774.275	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.060.000.000	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	98.888.701.149	-	98.888.701.149	-

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	18/4/2014	31/12/2014	18/4/2014
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	35.188.436.670	-	35.188.436.670	-
Vay và nợ	142.603.445.499	-	142.603.445.499	-
Chi phí phải trả	259.413.338	-	259.413.338	-
Các khoản phải trả khác	57.200.000	-	57.200.000	-
Cộng	178.108.495.507	-	178.108.495.507	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả cho người bán	35.188.436.670	-	-	35.188.436.670
Vay và nợ	90.474.994.577	52.128.450.922	-	142.603.445.499
Chi phí phải trả	259.413.338	-	-	259.413.338
Các khoản phải trả khác	57.200.000	-	-	57.200.000
Cộng	125.980.044.585	52.128.450.922	-	178.108.495.507
Tại ngày 18/4/2014				
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Không có thông tin so sánh do đây là năm tài chính đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi loại hình sở hữu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền

Giám đốc



Nguyễn Sinh Quyền

